

UBND THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

PHỤ LỤC
BỔ SUNG KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CHUNG
NĂM 2025 CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN TRỰC THUỘC

(Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-PGDĐT ngày 09/6/2025 của Phòng GD&ĐT Cẩm Phả)

TT	Chương g	Khoản n	Mã nguồn n	Mã ĐVQHNS	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
					Tổng	1.709.317.204	
					Khối mầm non		
1	622	071	12	1042142	MN Quang Hanh	44.000.000	
2	622	071	12	1039613	MN Cẩm Thạch	27.000.000	
3	622	071	12	1109506	MN Hoa Hồng	36.000.000	
4	622	071	12	1039129	MN Cẩm Trung	36.000.000	
5	622	071	12	1042145	MN Hoa Sen	36.000.000	
6	622	071	12	1130508	MN Cẩm Bình	27.000.000	
7	622	071	12	1039127	MN Cẩm Tây	27.000.000	
8	622	071	12	1073284	MN Cẩm Đông	36.000.000	
9	622	071	12	1080767	MN Cẩm Sơn 1	27.000.000	
10	622	071	12	1073290	MN Cẩm Sơn 2	27.000.000	
11	622	071	12	1042808	MN Cẩm Phú	44.000.000	
12	622	071	12	1113086	MN Cẩm Thịnh	36.000.000	
13	622	071	12	1042809	MN Cửa Ông	44.000.000	
14	622	071	12	1080519	MN Mông Dương	44.000.000	
15	622	071	12	1114058	MN Hải Hòa	44.000.000	
16	622	071	12	1108772	MN Dương Huy	27.000.000	
					Khối Tiểu học		
17	622	072	12	1027825	TH Suối Khoáng	27.000.000	
18	622	072	12	1039361	TH Quang Hanh	27.000.000	
19	622	072	12	1039137	TH Cẩm Thạch	27.000.000	
20	622	072	12	1037782	TH Cẩm Thủy	27.000.000	
21	622	072	12	1072013	TH Cẩm Trung	27.000.000	
22	622	072	12	1039136	TH Phan Bội Châu	27.000.000	
23	622	072	12	1037924	TH Cẩm Bình	27.000.000	
24	622	072	12	1037783	TH Hồ Tùng Mậu	27.000.000	
25	622	072	12	1042803	TH Cẩm Đông	27.000.000	
26	622	072	12	1014225	TH Cẩm Sơn 1	27.000.000	
27	622	072	12	1039478	TH Cẩm Sơn 2	27.000.000	
28	622	072	12	1105681	TH Võ Thị Sáu	27.000.000	
29	622	072	12	1077104	TH Thái Bình	27.000.000	
30	622	072	12	1039131	TH Trần Hưng Đạo	27.000.000	

TT	Chương	Khoản	Mã nguồn	Mã ĐVQHNS	Đơn vị	Số tiền	Ghi chú
31	622	072	12	1042801	TH Kim Đồng	27.000.000	
32	622	072	12	1039133	TH Trần Quốc Toản	27.000.000	
33	622	072	12	1072018	TH Mông Dương	27.000.000	
34	622	072	12	1037781	TH Nguyễn Trãi	27.000.000	
35	622	072	12	1127133	TH&THCS Hải Hòa		
36	622	072	12	1127099	TH&THCS Dương Huy		
					Khôi THCS		
37	622	073	12	1127133	TH&THCS Hải Hòa	44.000.000	
38	622	073	12	1127099	TH&THCS Dương Huy	36.000.000	
39	622	073	12	1039477	THCS Suối Khoáng	27.000.000	
40	622	073	12	1039892	THCS Quang Hanh	36.000.000	
41	622	073	12	1062821	THCS Thống Nhất	36.000.000	
42	622	073	12	1039894	THCS Bái Tử Long	44.000.000	
43	622	073	12	1070387	THCS Trọng Điểm	44.000.000	
44	622	073	12	1070386	THCS Cẩm Thành	36.000.000	
45	622	073	12	1042472	THCS Cẩm Bình	27.000.000	
46	622	073	12	1127017	THCS Chu Văn An	65.750.000	
47	622	073	12	1042152	THCS Nam Hải	27.000.000	
48	622	073	12	1042475	THCS Ngô Quyền	27.000.000	
49	622	073	12	1059619	THCS Cẩm Sơn	43.567.204	
50	622	073	12	1068222	THCS Lý Tự Trọng	44.000.000	
51	622	073	12	1068221	THCS Cẩm Thịnh	36.000.000	
52	622	073	12	1041831	THCS Cửa Ông	44.000.000	
53	622	073	12	1039893	THCS Mông Dương	44.000.000	